

KHẢO VỀ TÁC PHẨM NGŨ TÔNG YẾU LƯỢC CỦA THANH LĂNG THIỀN SƯ

Phạm Văn Tuấn

Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Tóm tắt: Sang thế kỷ XIX, khi triều đình nhà Nguyễn thống nhất đất nước, Phật giáo Việt Nam phát triển sang giai đoạn mới, ổn định và ảnh hưởng ngày càng rộng rãi hơn trong đời sống văn hóa xã hội. Trong giai đoạn đó, Thanh Lăng thiền sư (1738-1814) tu hành theo phái Tào Động, đã san khắc san khắc nhiều kinh sách, viết nhiều văn bia, soạn sách khoa nghi, ... góp công duy trì và tạo diện mạo mới của Phật giáo. Trong những kinh sách Thanh Lăng thiền sư đã biên soạn, san khắc in ấn, Ngũ tông yếu lược là sách ngắn gọn về 5 tông phái Phật giáo, về thiền phái Tào Động ở Việt Nam. Bài viết tiến hành nghiên cứu về Thanh Lăng thiền sư cũng như sách Ngũ tông yếu lược. Thông qua khảo luận sách Ngũ tông yếu lược, làm rõ những giá trị về văn bản, về văn hóa in ấn và lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Từ khóa: Thanh Lăng Khoan Dục thiền sư, Ngũ tông yếu lược, Tào Động, chùa Hòe Nhại Hồng Phúc.

Nhận bài ngày 15.9.2022; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 24.10.2022;

Liên hệ tác giả: Phạm Văn Tuấn; Email: thoivuvien@gmail.com

1. MỞ ĐẦU

Thân thế Thanh Lăng thiền sư

Thế kỷ XVIII bước vào giai đoạn phát triển ổn định của Phật giáo Việt Nam. Trong giai đoạn này, cũng thuộc thời kỳ cuối triều Lê, nên những vấn đề chính trị cũng ảnh hưởng nhất định đến tôn giáo. Tuy nhiên, tiếp nối từng bước từ các giai đoạn trước, Phật giáo tiếp tục có ảnh hưởng rộng lớn đến đời sống văn hóa từ chốn thành thị đến nông thôn. Kinh sách được san khắc nhiều ở nhiều chùa khắp miền Bắc, cũng như các văn bản diễn Nôm được thực hiện nhiều hơn. Các khoa cúng tổ, các văn bản bầu hậu Phật, lễ tục và khoa nghi cũng ngày càng phong phú. Có thể nói, giai đoạn thế kỷ XVII là giai đoạn phát triển đỉnh thịnh của Phật giáo thời Hậu Lê, nhưng giai đoạn thế kỷ XVIII mới là giai đoạn thâm sâu của Phật giáo vào đời sống văn hóa người Việt. Thiền phái Lâm Tế vẫn phát triển mạnh mẽ, thiền phái Tào Động cũng ảnh hưởng rộng lớn. Hai thiền phái lớn đôi khi dung hòa và quện vào nhau trong sự phát triển chung của xã hội. Giữa thế kỷ XVIII, thiền sư Tính Tuyên từ Trung Hoa về, mang theo nhiều kinh sách để ở chùa Càn An, cũng tạo nên những dấu mốc tích cực mới cho sự phát triển Phật giáo.

Thanh Lăng thiền sư (1738-1814) họ Vũ, sinh năm 1738, thời Lê, ông người thôn Thạch

Cầu, nay thuộc thôn Thạch Cầu xã Nam Tiến huyện Nam Trực tỉnh Nam Định. Thanh Lãng thiền sư là thiền sư thuộc phái Tào Động. Thanh Lãng thiền sư pháp húy là Khoan Dực thiền sư. Chữ Khoan theo bài kệ truyền phái của thiền phái Tào Động ở miền Bắc. Thanh Lãng thiền sư được triều đình ban sắc ban cho là Đạo Nguyên Tăng Thống Thanh Lãng sa môn vào năm 1772, và ngài trụ trì chùa Cảnh Linh ở kinh thành Thăng Long. Thanh Lãng thiền sư giáo dạy đệ tử, phát triển tông phái, san khắc nhiều kinh sách, viết tựa chứng san nhiều kinh sách cũng như soạn văn bia,... Thanh Lãng thường ở chùa Cảnh Linh trong kinh thành Thăng Long, nhưng sau khi nhà Nguyễn thống nhất đất nước, chuyển kinh đô vào Thuận Hóa, ông liền về dựng Trung Đạo am ở chùa Đại Quang xã Nghi Tuyền huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh để tu hành, cũng như chùa Kim Cương núi Triều Sơn, nay là thôn Triều, xã Lãm Sơn, huyện Quế Võ, Bắc Ninh và cũng thường về tổ đình phái Tào Động là chùa Hòe Nhại ở Hà Nội. Đến năm Gia Long, 1814 Thanh Lãng thiền sư viên tịch. Đệ tử tăng chúng, cùng môn nhân pháp phái lập tháp Tuệ Quang thờ ở chùa Bích Động (Ninh Bình), Tỉnh Quang thờ ở chùa Đại Quang (xã Nghi Tuyền, Thuận Thành, Bắc Ninh),... Chùa Đại Quang là chùa thiền sư Thanh Lãng trụ trì. Phái Tào Động được Thủy Nguyệt Thông Giác thiền sư truyền vào Việt Nam cuối thế kỷ XVIII, trải qua các đời thiền sư truyền nhau chính pháp. Thủy Nguyệt Thông Giác truyền đến Chân Dung Tông Diễn, Chân Dung Tông Diễn truyền đến Từ Sơn Hành Nhất, Từ Sơn Hành Nhất truyền đến Hải Điện Mật Đa, Hải Điện Mật Đa truyền đến Khoan Dực Thanh Lãng thiền sư. Về sau, Thanh Lãng tiếp tục truyền cho vị kế đăng. Trong các thời, các thiền sư đều căn cứ pháp kệ của thiền phái để truyền cho nhau. Mỗi chữ trong bài kệ truyền phái có thể có nhiều thiền sư cùng thế hệ, nhưng chỉ truyền cho duy nhất một người được kế nối tông phong, kế nối ngọn đèn của bản phái. Thanh Lãng thiền sư là người được chọn như thế. Về sau, trong nhiều đệ tử của ông, nhưng Thanh Lãng truyền đèn cho Giác Trí thiền sư ở chùa Tiêu Sơn. Giác Trí truyền cho Đạo Tuân Minh Chính về Ninh Bình. Giác Lĩnh thiền sư trụ trì chùa Bích Động, về sau cũng lập tháp để phụng thờ sư phụ Thanh Lãng thiền sư.

Thanh Lãng thiền sư để lại nhiều tác phẩm, trong đó có sách, bài tựa, văn bia, trong đó có một số tác phẩm tiêu biểu như:

- *Tào Động tông nam truyền tổ sư ngữ lục*, là sách biên soạn lại cuộc đời truyền giáo của Thủy Nguyệt Thông Giác và Chân Dung Tông Diễn. Sách được Thanh Lãng biên tập, được Phổ Giác Nhu Hòa hiệu đính và san khắc năm 1812, tại chùa Đại Quang.
- *Ngũ tông yếu lược*, sách có ký hiệu AC.458, bản lưu tại kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Đây là sách ngắn gọn do Thanh Lãng thiền sư biên soạn lại từ nguồn thư tịch khác và bổ sung vào phần của phái Tào Động.

Trên đây là 2 sách được Thanh Lãng thiền sư viết soạn trọn vẹn. Ngoài ra còn các bài tựa, hoặc bản viết ngắn, hoặc diễn Nôm văn bản, như: bài tựa sách *Thủy lục lược giải*, bản in năm 1870, ký hiệu VHv.1111, tại kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm; *Kim cương kinh tụng thập bát thủ* trong sách *Kim cương kinh trực giải*, bản in năm 1822, ký hiệu AC.320 tại kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm; các bài bình văn trong *Thiền lâm bảo huấn hợp chú*, bản in năm 1858, ký hiệu AC.305, tại kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Thanh Lãng cũng diễn Nôm sách *Quy Sơn cảnh sách văn diễn âm*, bản in năm 1899 bởi bát sô Chính

Đại. Ngoài ra, Thanh Lãng còn 6 bài tựa kinh Phật trong các lần trùng san, và 6 bài văn khắc trên bia đá ở các chùa.

Sự nghiệp của Thanh Lãng không phải có nhiều trước tác, nhưng ông sống trong giai đoạn tiếp nối hai thế kỷ với nhiều biến động, kể nổi tông phong, để lại những giá trị cho văn hóa, lịch sử và Phật giáo Việt Nam. Thanh Lãng thiền sư để lại những dấu ấn mạnh mẽ trong sự phát triển của phái Tào Động, gắn liền với những ngôi chùa lớn của thiền phái, như Hòe Nhai, Đại Quang. Các tác phẩm của Thanh Lãng thiền sư để lại có giá trị nhất định với Phật giáo ở Việt Nam, trong đó đặc biệt sách *Ngũ tông yếu lược*. *Ngũ tông yếu lược*, tuy nội dung ngắn gọn nhưng có ý nghĩa với phái Tào Động và phái Lâm Tế, là hai thiền phái phát triển ở Việt Nam. *Ngũ tông yếu lược* cũng có một văn bản, nhưng vấn đề bài tựa của Thanh Lãng thiền sư cũng như các nội dung liên quan ở nhiều văn bản khác. Phần sau, sẽ khảo luận những nội dung liên quan đến *Ngũ tông yếu lược*, cũng như các mối liên hệ với Thanh Lãng thiền sư, cũng như phái Tào Động và Phật giáo đương thời.

2. NỘI DUNG

2.1. Khảo luận về *Ngũ tông yếu lược*

Ngũ tông yếu lược là văn bản được lưu tại kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm, có ký hiệu AC.458 được biên soạn bởi Đạo Nguyên tăng thống Khoan Dục Thanh Lãng thiền sư. Văn bản có 14 tờ, khổ sách 24,5 x 15,5cm, đây là khổ sách phương sách phổ biến ở chùa chiền miền Bắc Việt Nam từ trước đến nay. *Ngũ tông yếu lược* là văn bản in, theo quy cách sách kinh Phật ở Việt Nam, với mỗi trang gồm 8 hàng, mỗi hàng nhiều nhất 16 chữ, viết theo thể chữ chân phương. Mép giữa tờ sách, phần đuôi có có số trang ở dưới, cũng như tên sách ở mép viết ngắn gọn là *Ngũ tông yếu lược* hoặc *Ngũ tông lược tự*. Cách đặt tên ở gáy sách cũng không thống nhất. Sách gồm một bài *Tự dẫn*, mở đầu ghi: *Ngũ tông yếu lược tự dẫn – Thanh Lãng sa môn soạn*. Thông tin bài *Tự dẫn* cho biết: khi Thanh Lãng sa môn ở tại *cung Cảnh Linh* của kinh đô, tức kinh thành Thăng Long, khi đó còn đang trong thời Lê². Điều này cũng mang ý nghĩa sách được viết *Tự dẫn* dưới thời Lê, khi thường ngày vẫn từ *cung Cảnh Linh* đến chùa Hồng Phúc để vấn an Bản Lai Tính Chúc hòa thượng (1698-1775). Tính Chúc viên tịch năm 1775, điều này cho thấy, khoảng thời gian viết tựa khoảng trước năm 1775.

Bài *Tự dẫn* cho biết, có một vị Hòa thượng người phương Bắc tự xưng là người của phái Tào Động tên là Tế Vân thiền sư đến ở chùa Hòe Nhai. Khi đó, Bản Lai Tính Chúc tổ sư thấy Tế Vân phong vị bất phàm nên mới coi là tân khách. Khoảng thời gian này, Thanh Lãng thiền sư cũng khoảng dưới 35 tuổi. Năm Kỷ Sửu (1769), tổ sư đến chùa Sùng Nham dựng chùa, khi đó, Thanh Lãng từ *cung Cảnh Linh* đã đi theo thị giả. Tổ sư mới lấy sách ra mà nói với Thanh Lãng: *Ta có một quyển sách này, giữ gìn đã nhiều năm, nay người giữ lấy để nói tổ truyền đèn, tông giáo dài mãi*. Đến năm Đinh Ty (1797), Thanh Lãng sa môn mới viết bài tựa dẫn

² Về *cung Cảnh Linh*, đến nay ít có nghiên cứu. Căn cứ Đại Việt sử ký toàn thư, cho thấy tên *cung Cảnh Linh* xuất hiện từ năm 1129 thời Lý. Đến năm 1249, 1250, thời Trần: “Mùa hạ, tháng 4, làm cầu Lâm Ba ở chùa Chân Giáo, qua hồ Ngọa Thiềm, đến quán Thái Thanh *cung Cảnh Linh*, cực kỳ tráng lệ”. Có thể, *cung Cảnh Linh* (gần chùa Chân Giáo, nơi Lý Huệ Tông tu hành và bị bức tử) được giữ đến tận thời Lê, và giai đoạn thế kỷ XVII về sau, nhiều đạo quán đã không còn đạo sĩ, và cũng như nhiều đạo quán khác, *cung Cảnh Linh* cũng là nơi hoạt động tín ngưỡng, tu hành của Phật giáo.

nói rõ nguồn gốc của sách. Sách có tên *Ngũ gia tông phái yếu lược*, tuy nhiên phần đầu sách, trong bài *Tự dẫn* ghi sách là *Ngũ tông yếu lược*. Thư mục sách tại kho sách Việt Nghiên cứu Hán Nôm cũng ghi là *Ngũ tông yếu lược*. Phần *Ngũ gia tông phái yếu lược* với phần nội dung chính của sách nói về các tông phái. Phần *Tự dẫn* viết năm 1797, nhưng niên đại san khắc của sách vào năm 1812. Theo nội dung cuối sách *Ngũ gia tông phái*, cho biết:

Vô sinh sa môn Tỉnh Tĩnh Liễu Liễu ở chùa Nguyệt Quang xã Đông Khê huyện An Dương phủ Kinh Môn ủy thác giao phó cho môn nhân thủ tòa Tỳ khưu Hải Trạng phụng san.

Sắc tứ Đạo Nguyên tăng thống Thanh Lăng sa môn Khoan Dực chứng minh san khắc.

Môn nhân Hải Tuấn, Hải Triêm, Hải Tuyên, Hải Thản, Hải Bài, Hải Niêm, Hải Sán, Hải Thuyên, Hải Tùng, Hải Xuyên, Hải Chiêu, Hải Tập, Hải (Tịch) Quang, Hải Vân, Hải Tịch, Hải Minh, Hải Tuyền, Hải Độ, Hải Đĩnh, Hải Châu, Hải Khâm, Hải Cần, Hải Cẩm, Hải Khuê, Hải Tứ, Hải Hữu, Hải Lăng, Hải Giám, Hải Tế, Hải (Chiếu) Quy, Hải Giải, Hải³.

Môn nhân Hải Tuyên phụng viết chữ

Liễu Trạng xã Phó Thịnh san khắc.

Ngày lành trời mùa thu năm Nhâm Thân niên hiệu Gia Long thứ 11 (1812)

Bản lưu tại chùa Nguyệt Quang xã Đông Khê để sáng tỏ về sau⁴.

Thông qua phần kết thúc của sách, cho thấy văn bản được san khắc vào năm 1812, khi Đạo Nguyên Tăng thống Thanh Lăng sa môn Khoan Dực thiền sư còn tại thế và ông là người chứng minh cho việc san khắc văn bản. Bản lưu của ván khắc được ghi tại chùa Nguyệt Quang ở xã Đông Khê⁵. Nội dung sách *Ngũ tông yếu lược* viết giản lược về 5 phái thiền phát triển ở Trung Quốc, trong đó có ghi chép rõ về phái Tào Động truyền sang Việt Nam. Thiền phái đầu tiên được giới thiệu là Pháp Nhãn tông; thiền phái thứ hai là Tào Động tông; thiền phái thứ ba là Vân Môn tông; thiền phái thứ tư là Quy Ngưỡng tông và thiền phái thứ năm là Lâm Tế tông. Năm phái này trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc gọi là *Ngũ gia*, trong cụm từ *Ngũ gia thất tông*. Lịch sử Phật giáo Trung Quốc với Vân Môn tông, Pháp Nhãn tông và Quy Ngưỡng tông không phát triển và dần mất hẳn, chỉ còn Lâm Tế tông và Tào Động tông phát triển đến ngày nay. Trong đó, Lâm Tế tông và Tào Động tông phát triển và truyền bá sang Việt Nam. Mục viết về Tào Động tông, ngoài liệt kê giản lược truyền thừa ở Trung Quốc, còn có phần viết giản lược về Thủy Nguyệt Hòa thượng, hiệu Thông Giác Đạo Nam thiền sư. Năm Giáp Thìn (1664) đúng vào năm Canh Trị thứ 2 triều Lê, Thủy Nguyệt sang núi Phụng Hoàng ở Hồ Châu tham vấn với Nhất Cú Trí Giáo thiền sư, sau 6 năm học hành, được truyền y bát và nhận 28 chữ pháp kệ, đem về Việt Nam để truyền cho các thế hệ. Bài pháp kệ phái Tào Động được chép ngay sau tiểu truyện của Thủy Nguyệt Thông Giác và truyền đến tận ngày nay⁶. Mục viết 4 phái còn lại không đề cập đến Việt Nam. Điều này có thể do chính Khoan Dực Thanh Lăng thiền sư là người phái Tào Động.

³ Chữ viết lối hành thư, dị thể, hiện chưa đọc được.

⁴ *Ngũ tông yếu lược*, AC.458, bản lưu tại kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

⁵ Chùa Nguyệt Quang, xã Đông Khê, nay thuộc thành phố Hải Phòng. Nguyệt Quang là chùa cổ, gắn liền với thiền phái Lâm Tế, nơi đây san khắc nhiều kinh sách và các trước tác của các tổ sư người Việt Nam.

⁶ Phần viết về Thủy Nguyệt Thông Giác có sự nhầm lẫn khi văn bản cho là Thủy Nguyệt sang Trung Quốc vào

2.2. Bài *Tự dẫn* của *Ngũ tông yếu lược*

Bài *Tự dẫn* của *Ngũ tông yếu lược*, kí hiệu AC.458 bị mất một số chữ. Mất chữ trong các sách cổ là vấn đề thường thấy trong sách Hán Nôm ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm hoặc các cơ sở lưu trữ tư liệu Hán Nôm khắp cả nước. Ngoài mất chữ, việc đọc các văn bản cổ luôn là vấn đề khó, bởi cách viết thư thể, tự dạng cũng như các loại hình dị thể thường xuất hiện như một thói quen của người viết sách đó. Trường hợp *Ngũ tông yếu lược*, cũng như *Tam tổ thực lục* (kí hiệu A.786) cũng mất các chữ ở bài tựa dẫn đến để bổ sung cần nhiều nguồn tư liệu khác nhau⁷. Về bài *Tự dẫn* của *Ngũ tông yếu lược*, còn được lưu trong kho sách *Nhân thiên nhân mục*, kí hiệu AC.502 tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. *Nhân thiên nhân mục* là sách 1 tập 6 quyển, có nội dung ghi chép về các vấn đề trong nhân sinh quan, thế giới quan Phật giáo. Phần đầu của sách *Nhân thiên nhân mục*, là bài *Bạt dẫn*, ngoài phần 6 quyển đầu, còn phụ phần sau *Chư Phật ứng tông ngũ gia phân phái yếu lược thư*. Bài *Bạt dẫn* đầu sách của *Nhân thiên nhân mục* cho biết sách được Tính Tuyền tổ sư đem từ nước Đại Minh về Đại Nam⁸ để sách ở Thường Lạc am chùa Hồng Phúc (nay là chùa Hồng Phúc, Hòe Nhại, Hoàn Kiếm, Hà Nội). Sách từ trước đến nay chưa từng có bản san khắc, đến giai đoạn viết bài *Bạt dẫn* thì sách đã bị hỏng nhiều, bản luận này hợp với *Ngũ gia phân phái*, tạo thành 7 quyển. Thanh Như Chiếu tỷ khuru pháp danh Đạo Sinh Quang Lịch Minh Đạt thiền sư kính cẩn mà viết bài bạt vào mùa thu năm Giáp Dần niên hiệu Tự Đức thứ 7 (1854). Văn bản lưu tại chùa Hồng Phúc và đến nay vẫn còn ván khắc. *Nhân thiên nhân mục* có 248 trang, phần còn lại là *Chư Phật ứng tông ngũ gia phân phái yếu lược thư*, từ trang 249 cho đến hết sách. Sách *Chư Phật ứng tông ngũ gia phân phái yếu lược thư* có phần mép giữa hai trang của 1 tờ ghi *Ngũ gia phân phái*. Có thể vì thế trong bài *Tự bạt* sách *Nhân thiên nhân mục* ghi ngắn gọn sách phụ phía sau là *Ngũ gia phân phái*. *Chư Phật ứng tông ngũ gia phân phái yếu lược thư* phía dưới có số tờ, không hình thành phần đuôi cá giữa tờ, mỗi trang 10 dòng, mỗi dòng dưới 20 chữ, viết chữ chân phương. *Chư Phật ứng tông ngũ gia phân phái yếu lược thư* khác với phần *Nhân thiên nhân mục* là khuôn trang không kẻ thành dòng mà để khuôn tự do.

Xét tự dạng, cách tạo khuôn trang, có thể nhận định sách *Chư Phật ứng tông ngũ gia phân phái yếu lược thư*, có thể từ nguồn ván khắc khi được sắp xếp in cùng vào thành tập sách với *Nhân thiên nhân mục*. *Chư Phật ứng tông ngũ gia phân phái yếu lược thư* ghi chép về truyền thừa từ bảy vị tổ Phật, đến truyền thừa thiền tông Trung Hoa, trong đó đặc biệt ghi

năm Khang Hy nguyên niên (1661) và vào năm Giáp Thìn niên hiệu Cảnh Trị thứ 2 (1664). Xét các tư liệu liên quan đến Thủy Nguyệt Thông Giác đều ghi thiền sư sang Trung Quốc năm 1664, cũng như năm Khang Hy nguyên niên 1661 không trùng với năm Giáp Thìn niên hiệu Cảnh Trị thứ 2 là năm 1664. Điều này cho thấy tác giả phần viết có sự nhầm lẫn. Phần nhầm lẫn còn ghi bài kệ của phái Lâm Tế với 48 chữ là của Bích Phong thiền sư. Việc nhầm lẫn của Bích Phong, vốn là nhầm lẫn từ các văn bản phía Trung Quốc, có thể từ bản Tê Vân. Đến khi Thanh Lăng biên soạn, đã có sự nhầm lẫn theo. Ngày nay, các tư liệu nghiên cứu có thể hỗ trợ cho việc nhầm lẫn đó, cho thấy bài kệ truyền thừa phái Lâm Tế, ban đầu có 16 chữ, do Trí Bản Đột Không đưa ra, về sau, không rõ thời nào bổ sung thành 48 chữ như hiện nay. Xem thêm: Phạm Tuấn: *Kệ phái truyền thừa Lâm Tế Đại Việt*, Thông báo Hán Nôm, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 2006

⁷ Phạm Văn Tuấn: *Khảo về Tam tổ thực lục, bản năm 1765*, Liễu Quán số tháng 5 năm 2022.

⁸ Nội dung này đúng phải là Tính Tuyền mang sách từ Đại Thanh về Đại Việt. Có thể do nhầm lẫn thời gian, người viết bài bạt đã nhầm thời gian thành Đại Minh. Tính Tuyền mang sách về trong giai đoạn triều Lê, cho nên thời gian là Đại Việt. Người viết bài bạt cho thời gian sang Đại Nam, tức thuộc thời gian viết bạt, của thời Nguyễn, như niên đại của bài bạt. Ở đây, người viết bài *Bạt dẫn* đã nhầm cả thời gian của Tính Tuyền là nước Đại Minh cũng như mang về nước Đại Nam. Tính Tuyền sang Trung Quốc năm 1735, sau 6 năm học tập, tu hành đến năm 1741 thì về nước.

chép về 5 tông phái chính *Lâm Tế tông, Tào Động tông, Vân Môn tông, Pháp Nhãn tông, Quy Ngưỡng tông. Chư Phật ứng tông ngũ gia phân phái yếu lược* thư nhiều đoạn ghi chép lộn xộn như dạng thức của biên tập lại theo nhiều lớp thời gian, tông phái không theo thứ tự như *Ngũ tông yếu lược* bản AC.458. Tuy nhiên, *Chư Phật ứng tông ngũ gia phân phái yếu lược* với nội dung phong phú hơn bản AC.458 bởi các nội dung truyền thừa thiền tông Trung Hoa cũng như lịch sử phái Tào Động ở Việt Nam.

Trang 277, sách *Chư Phật ứng tông ngũ gia phân phái yếu lược* có dẫn bài *Ngũ gia tông phái tự dẫn*. Xét nội dung bài *Tự dẫn* này, cho thấy văn tự có xuất nhập với bài *Ngũ tông yếu lược tự dẫn*, cũng như hai chữ *Tự* trong hai bài *Tự dẫn* dùng chữ Hán khác nhau. Phần cuối của *Ngũ gia tông phái tự dẫn* của sách *Nhân thiên nhãn mục* có ghi niên đại và người viết, như sau:

Tuế tại Đình Ty niên tố sương nguyệt trung cán nhật

Thanh Lăng tỳ khuru thư vu Triều Sơn Kim Cương tự Trung Đạo am

Kế Tào Động tông phái Hồng Phúc Thanh Như Chiếu tỳ khuru phụng tả

(ngày giữa tháng mùa thu năm Đình Ty)⁹

Thanh Lăng tỳ khuru viết chữ ở am Trung Đạo chùa Kim Cương núi Triều¹⁰

Người phụng mệnh viết chữ là Tỳ khuru Thanh Như Chiếu kế nối tông phái Tào Động ở chùa Hồng Phúc.

Sách *Ngũ tông yếu lược*, ký hiệu AC.458, cũng có bài *Tự dẫn* gồm 2 tờ, 4 trang, xét số chữ trong trang, nhiều hơn bản AC.502 chỉ có khoảng 2 trang chữ. Hai bài *Tự dẫn* đều cho biết Thanh Lăng viết năm 1797, tuy nhiên nội dung có nhiều khác biệt. Do đó, khi đối chiếu chữ mất trong văn bản AC.458, cũng không thể lấy phần nội dung trong văn bản AC.502 để bổ xung.

Từ nội dung văn bản của bài tựa, cho thấy đúng bài tựa do Thanh Lăng viết được lưu trong sách *Chư Phật ứng tông ngũ gia tông phái yếu lược*, ký hiệu AC.502 là cùng bài tựa với sách cho *Ngũ tông yếu lược* ký hiệu AC.458. Tuy nhiên, bài tựa dẫn từ sách AC.502 đã bị thế hệ sau biên tập, lược đi nhiều phần và ngắn gọn hơn bản cũ, bản gốc được san khắc khi Thanh Lăng thiền sư còn tại thế. *Chư Phật ứng tông ngũ gia tông phái yếu lược* cũng biên soạn về năm phái, về các truyền phái của phái Tào Động ở Việt Nam. Từ đó cho thấy, có văn bản của sách *Chư Phật ứng tông ngũ gia tông phái yếu lược* được lưu truyền ở Việt Nam và đã mối liên hệ với bản *Ngũ tông yếu lược* của Thanh Lăng thiền sư.

⁹ Tháng mùa thu, nguyên văn: Tố sương nguyệt. Tố sương nguyệt, là cụm từ được lấy từ bài Sương nguyệt của Lý Thương Ẩn thời Đường, với nghĩa nàng Tố Nga trong sương trắng. Bài Sương nguyệt có câu: *Thanh nữ Tố Nga câu nại lãnh, nguyệt trung sương lý đầu thiên quỳên*, với nghĩa: người con gái xinh đẹp với Tố Nga đều nhẵn nại với cái lạnh, sương trong trắng xem ai có thể so được với vẻ đẹp tươi.

¹⁰ *Am Trung đạo*, nguyên văn Trung Đạo am. *Trung Đạo am* trong nhiều thư tịch liên quan đến Thanh Lăng thiền sư đều gắn liền với chùa Kim Cương trên núi Triều (sơn). Ngày nay, chùa Kim Cương thuộc thôn Triều, xã Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh. Chùa cũng như am bị hư hoại và mất đã lâu, gần đây mới khôi phục lại khuôn viên chùa.

2.3. Hệ văn bản của *Chư Phật ứng tông ngũ gia tông phái yếu lược*

Văn bản *Chư Phật ứng tông ngũ gia tông phái yếu lược* được lưu trong sách *Nhân thiên nhân mục*, ký hiệu AC.502 là văn bản còn bảo lưu trọn vẹn cho đến ngày nay. Ngoài sách còn nguyên trạng, ván khắc của bản AC.502 còn được lưu giữ tại chùa Hòe Nhai ngày nay. Tuy nhiên, một văn bản khác của *Chư Phật ứng tông ngũ gia tông phái yếu lược* này cũng được lưu giữ tại chùa Bồ Đà huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang. Tuy nhiên, văn bản *Chư Phật ứng tông ngũ gia tông phái yếu lược* tại chùa Bồ Đà tuy còn ván khắc, nhưng không còn niên đại. Văn đề văn bản *Chư Phật ứng tông ngũ gia tông phái yếu lược* của chùa Bồ Đà cũng được tìm thấy tại chùa Thiên Sơn, tức chùa Bồ Đề (Long Biên – Hà Nội). Văn bản chùa Bồ Đề được san khắc vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX bởi thiền sư Nguyên Biều. Niên đại của sách cũng không ghi rõ năm khắc. Như vậy, đến nay có 3 văn bản *Chư Phật ứng tông ngũ gia tông phái yếu lược* và qua khảo sát, cho thấy các văn bản vẫn có những xuất nhập nội dung. Trong ba văn bản, chỉ có văn bản *Chư Phật ứng tông ngũ gia tông phái yếu lược* lưu tại chùa Hòe Nhai có bài tựa của Khoan Dực Thanh Lãng thiền sư. Văn bản lưu tại chùa Bồ Đà hiện không còn sách, chỉ có ván khắc được in ra, có tên sách là *Ngũ gia tông phái*. Sách mở đầu là phái Lâm Tế, được đánh số từ 1a đến từ 7a, mép giữa các tờ ghi *Ngũ gia tông phái*. Từ từ 7a đến 14b ghi chép về Tào Động tông. Phần nội dung về Vân Môn tông, Pháp Nhãn tông, Quy Ngưỡng tông đều ngắn gọn chỉ một hai trang. Phần cuối *Ngũ gia tông phái* ghi *Linh Ẩn Tuệ Chiếu Đại sư Khả Quang thuật*. Ngoài ra, căn cứ theo sách còn có các bài tán *Chân tính kệ* thuận và nghịch đọc, không ghi tác giả cho đến hết sách, tổng số có 20 tờ. *Ngũ gia tông phái* bản chùa Bồ Đà, không có phần viết về thiền phái Tào Động ở Việt Nam.

Ngũ gia tông phái, được san khắc lại lần nữa tại chùa Thiên Sơn Bồ Đề (Long Biên). Mở đầu, sách ghi sao chép lại theo bản chùa Hồng Phúc và được Hối Tích viết lại vào năm thượng tuần tháng 6 năm Nhâm Tuất. Xét, năm Nhâm Tuất có thể là năm 1742, 1802 hoặc 1862 hoặc 1922. Về Hối Tích, không rõ đây có phải là Hối Tích Tính Quảng thiền sư (1694-1768) của phái Lâm Tế hay một vị Hối Tích khác. Do đó khó thể chứng minh được nguồn gốc của văn bản. Tuy nhiên, câu mở đầu văn bản cũng cho thấy nguồn gốc của *Ngũ gia tông phái* bản chùa Thiên Sơn là từ chùa Hồng Phúc. Tuy nhiên phần cuối sách ghi văn bản được thiền sư trụ trì tặng tên tự là Hải Soãn hiệu Tuệ Định cùng đạo tràng chùa Sùng Phúc, ba giáp ở Xuân Nhân, huyện Đường Hào phủ Bình Giang tỉnh Hải Dương san khắc lưu bản lại để sáng tỏ về sau. Sách san khắc vào ngày 8 tháng 2 năm Ất Tỵ niên hiệu Thiệu trị năm thứ 5 (1845). Các phần của sách, có nội dung tương tự sách *Ngũ gia tông phái* của chùa Bồ Đà. *Ngũ gia tông phái* chùa Thiên Sơn là văn bản phủ bản san khắc lại từ văn bản chùa Sùng Phúc (Hải Dương) và phụ sau sách là phần *Thiên Sơn quy ước*. Trong sách cũng có phần viết về lai lịch của Thủy Nguyệt Thông Giác, có nội dung tương tự như sách *Ngũ tông yếu lược*, văn bản AC.458, cũng như phần cuối có ghi *Linh Ẩn Tuệ Chiếu Đại sư Khả Quang thuật*. Như trên luật thuật, có thể thấy hệ văn bản của sách *Linh Ẩn Tuệ Chiếu Đại sư Khả Quang thuật*, có sự liên quan với các sách *Ngũ tông yếu lược*, *Ngũ gia phân phái* và các văn bản có sự liên hệ với nhau, nhưng đến nay, không có văn bản nào giống nhau hoàn toàn.

3. KẾT LUẬN

Bài viết, căn cứ trên những thư tịch Phật giáo Việt Nam từ cuối thời Lê đến thời Nguyễn đề luận thuật về thân phận Thanh Lãng thiền sư. Đồng thời, bài viết nghiên cứu, khảo luận về *Ngũ tông yếu lược*, là văn bản được Thanh Lãng thiền sư định bản và san khắc xuất bản vào năm 1812. *Ngũ tông yếu lược* là một trong những văn bản được Thanh Lãng thiền sư biên tập khi còn tại thế. Tác phẩm có giá trị nhất định với việc nghiên cứu về tông phái Phật

giáo ở Việt Nam, trong đó, có nội dung về hai phái Lâm Tế và Tào Động. Nội dung của *Ngũ tông yếu lược* viết về Lâm Tế tông với những bài kệ truyền thừa để hiểu rõ hơn truyền thừa đến Việt Nam. Phần viết về Tào Động tông không chỉ có các bài kệ truyền thừa, mà còn viết về truyền thừa các thiền sư phái Tào Động ở Việt Nam như từ Thủy Nguyệt Thông Giác về sau. Đây là những giá trị cơ bản về lịch sử của Phật giáo mà Thanh Lăng thiền sư đã làm được. Phần viết về Thủy Nguyệt Thông Giác, về sau nhiều sách ghi chép lại, hoặc biên tập, hoặc bổ sung dựa trên những nội dung được san khắc thời kỳ này. Để làm rõ hơn *Ngũ tông yếu lược*, thông qua bài tựa của sách được lưu trong sách *Chư Phật ứng tông ngũ gia tông phái yếu lược*, người viết đã tìm thêm được hai văn bản sách *Ngũ gia tông phái* khác ở những lần in về sau. Xét sách *Chư Phật ứng tông ngũ gia tông phái yếu lược*, có gáy sách cũng ghi ngắn gọn *Ngũ gia tông phái*, cũng như những nội dung cơ bản trong các văn bản đều có những điểm giống nhau và khác nhau, cho thấy các văn bản có sự ảnh hưởng theo thứ tự của bản in lần đầu, bản đấy. Tuy nhiên, dựa trên những tư liệu còn lại đến nay của các bản chưa cho thấy được văn bản đầu tiên để nhận định cho các văn bản về sau. *Chư Phật ứng tông ngũ gia tông phái yếu lược* trong sách *Nhân thiên nhân mục* cũng được in ấn lại sau khi so với *Ngũ tông yếu lược*, và khó đoán định được nội dung có bị sửa đổi hay không.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Liễu Quán số 5*, Trung tâm văn hóa Phật giáo Liễu Quán – Huế, nxb Thuận Hóa, năm 2022
2. *Ngũ tông yếu lược*, kí hiệu AC.458, kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
3. *Nhân thiên nhân mục*, kí hiệu AC.502, kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
4. *Thủy lục lược giải*, kí hiệu AVHv.1111, kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
5. *Kim cương kinh trực giải*, kí hiệu AC.320, kho sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
6. Kinh sách Phật giáo, văn bia liên quan đến Thanh Lăng thiền sư.

A STUDY ON THE BOOK *NGŨ TÔNG YẾU LƯỢC* BY MASTER THANH LĂNG

Abstract: In the early 19th century when the Nguyễn unified the whole country, Vietnamese Buddhism enjoyed a more stable and developmental period in which its teachings further permeated people's social and cultural life. In this context, Master Thanh Lăng (1738-1814), who was a member of Tào Động school, actively supervised the carving and printing of Buddhist sutras and his own compositions, authored different stone stele inscriptions, and codified numerous chanting books. His works substantially helped shape the new faces of Vietnamese Buddhism. *Ngũ tông yếu lược* (An Essential Account of the Five Houses) is composed and printed by the Master. It briefly introduces the history of the Five Houses of Chan and the Tào Động school in Vietnam. This paper sets out some insight information on Master Thanh Lăng and the book, together with new supplementary comments on the textual values of the book in the context of the printing cultures and the history of Buddhism in Vietnam.

Keywords: Master Thanh Lăng Khoan Dực, the Essential Account of Five Houses, Tào Động, Hòe Nhại Đồng Phúc Monastery.